BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1158/BGDĐT-GDĐH V/v rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật cơ sở dữ liệu về khu vực ưu tiên, thông tin của học sinh phục vụ công tác thi tốt nghiệp THPT, tuyển sinh ĐH, CĐ và tuyển sinh đầu cấp tại các trường dân tộc nội trú năm 2025	*Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2025*

Kính gửi: Các sở giáo dục và đào tạo

Để có thông tin, cơ sở dữ liệu về khu vực ưu tiên, thông tin của học sinh phục vụ công tác thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), tuyển sinh trình độ đại học (ĐH), tuyển sinh trình độ cao đẳng (CĐ) ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) và và tuyển sinh đầu cấp tại các trường dân tộc nội trú năm 2025 được đầy đủ, chính xác, đúng quy định; Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) yêu cầu các sở giáo dục và đào tạo thực hiện các công việc sau:

I. Đối với cơ sở dữ liệu về khu vực ưu tiên

1. Đăng nhập vào Hệ thống Quản lý thi, Hệ thống Hỗ trợ tuyển sinh chung (sau đây gọi chung là Hệ thống) tại địa chỉ *http://quanly.thitotnghiepthpt.edu.vn* theo tài khoản và mật khẩu đã được cấp năm 2024 để thực hiện:

1.1. Rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật các thông tin về: khu vực ưu tiên của trường THPT; tỉnh, huyện; xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn, xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc diện được ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành.

1.2. Cập nhật các điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi và xét tuyển.

1.3. Cập nhật các thông tin mới nhất của sở GDĐT: Lãnh đạo Sở GDĐT, Phòng Khảo thí/Phòng Quản lý thi, Phòng Giáo dục chuyên nghiệp; Cán bộ làm công tác tuyển sinh, làm công tác ưu tiên, máy tính.

Nội dung, quy trình rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật thực hiện đúng theo Hướng dẫn tại Phụ lục 01, 02.

2. Sau khi thực hiện xong quy trình trên Hệ thống, sở GDĐT xuất báo cáo tổng hợp kết quả rà soát, bao gồm các danh mục: khu vực ưu tiên của trường THPT; khu vực ưu tiên của tỉnh, huyện; các xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn để tiếp tục kiểm tra, rà soát. Sau đó, Lãnh đạo Sở GDĐT ký xác nhận và lưu tại sở GDĐT để phục vụ cho công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung báo cáo trên Hệ thống. Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung và cập nhật cơ sở dữ liệu về khu vực ưu tiên đề nghị Sở GDĐT hoàn thành trên Hệ thống trước ngày 20/04/2025.

3. Công khai các thông tin liên lạc để hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho thí sinh, phụ huynh trong quá trình đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT, đăng ký xét tuyển

trình độ ĐH, trình độ CĐ ngành GDMN tại Cổng thông tin tuyển sinh của sở GDĐT, Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần trao đổi về việc xác định khu vực ưu tiên trong tuyển sinh, đề nghị các sở GDĐT liên hệ với Bộ GDĐT qua Vụ Giáo dục Đại học (Chuyên viên chính Phạm Văn Lương, điện thoại: 0868310868; email: pvluong@moet.gov.vn).

II. Đối với thông tin của học sinh trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành

1. Sở GDĐT thực hiện:

1.1. Chỉ đạo các Cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn có học sinh đang học lớp 12 năm học 2024-2025 (sau đây gọi là Cơ sở giáo dục) đăng nhập vào Hệ thống CSDL ngành (tại địa chỉ: *http://csdl.moet.gov.vn*) để thực hiện cập nhật dữ liệu bảo đảm đầy đủ, chính xác và đúng tiến độ theo yêu cầu. Cụ thể:

- Cập nhật đầy đủ thông tin cá nhân của học sinh, bao gồm các thông tin: họ và tên, ngày sinh, giới tính, dân tộc, số chứng minh nhân dân/căn cước công dân (đồng thời là số định danh cá nhân)/Số hộ chiếu (đối với học sinh không có quốc tịch Việt Nam) và nơi thường trú. Hoàn thành trước 17 giờ 00 ngày 25/3/2025.

- Cập nhật điểm tổng kết từng môn học (có tính điểm), điểm tổng kết, xếp loại học lực, hạnh kiểm của từng học kỳ và cả năm của các năm học lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12. Hoàn thành trước 17 giờ 00 ngày 15/4/2025.

- Cập nhật điểm tổng kết từng môn học (có tính điểm), điểm tổng kết, xếp loại học lực, hạnh kiểm của học kỳ 2 và cả năm lớp 12. Hoàn thành trước 17 giờ 00 ngày 31/5/2025.

Sau ngày 31/5/2025, Bộ GDĐT sẽ đồng bộ thông tin của học sinh trên Hệ thống CSDL ngành sang Hệ thống Quản lý thi, Hệ thống Hỗ trợ tuyển sinh chung; Sở GDĐT chỉ đạo các cơ sở giáo dục rà soát, cập nhật thông tin kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trên Hệ thống theo Hướng dẫn tại Phụ lục 03, đồng thời hướng dẫn và yêu cầu thí sinh đăng nhập Hệ thống để kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót thì báo ngay cho cơ sở giáo dục để điều chỉnh. Thời gian hoàn thành theo quy định tại Công văn về việc Hướng dẫn tổ chức Kỳ thi Tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025.

1.2. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục rà soát, hoàn chỉnh thông tin cá nhân (bao gồm: họ và tên, ngày sinh, giới tính, dân tộc, số định danh cá nhân, nơi thường trú) của học sinh từ bậc mầm non tới lớp 11 trên Hệ thống CSDL ngành, đặc biệt là học sinh dân tộc thiểu số đang học lớp 5 và lớp 9 năm học 2024-2025 (phục vụ tuyển sinh đầu cấp tại các trường dân tộc nội trú năm 2025). Hoàn thành trước 17 giờ 00 ngày 25/3/2025.

1.3. Đôn đốc và thực hiện rà soát, kiểm tra dữ liệu cập nhật của các cơ sở giáo dục đảm bảo tính đầy đủ và chính xác, đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác thông tin của học sinh trên Hệ thống CSDL ngành và trên Hệ thống Quản lý thi, Hệ thống Hỗ trợ tuyển sinh chung.

2. Thông tin hỗ trợ trong quá trình triển khai

Tài liệu hướng dẫn thực hiện báo cáo tại Phụ lục 04 kèm theo và được đăng tải trên Hệ thống CSDL ngành tại địa chỉ *http://csdl.moet.gov.vn*.

Hỗ trợ kỹ thuật phần mềm qua email: *csdl@moet.edu.vn* và Hệ thống hỗ trợ trực tuyến.

Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các sở GDĐT thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung của Công văn này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hoàng Minh Sơn

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT. Nguyễn Văn Phúc (để phối hợp chỉ đạo);
- Vụ GDĐH, Cục QLCL, Cục KHCNTT (để thực hiện);
- Lưu: VT, GDĐH.

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Công văn số 1158 /BGDĐT-GDĐH ngày 19 tháng 3 năm 2025)

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN RÀ SOÁT DỮ LIỆU VỀ KHU VỰC ƯU TIÊN

1. Căn cứ vào Quy chế tuyển sinh trình độ đại học (ĐH); trình độ cao đẳng (CĐ) ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) hiện hành, các sở GDĐT cần nghiên cứu kỹ các văn bản được liệt kê tại Phụ lục 02[1] để sử dụng cho việc rà soát về khu vực ưu tiên.

Trường hợp các sở GDĐT có các văn bản cá biệt khác liên quan đến khu vực ưu tiên cần báo cáo về Bộ GDĐT qua Vụ Giáo dục Đại học (GDĐH) để cập nhật vào Hệ thống Quản lý thi, Hệ thống Hỗ trợ tuyển sinh chung (Hệ thống).

2. Quy trình thực hiện như sau:

2.1. Bước 1: Sở GDĐT cử cán bộ có năng lực, kinh nghiệm trong việc rà soát khu vực ưu tiên đăng nhập vào Hệ thống tại địa chỉ http://quanly.thitotnghiepthpt.edu.vn theo tài khoản và mật khẩu đã được cấp năm 2023 để thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung các danh mục theo quy định trong các văn bản tại Phụ lục 02. Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung phải tuân thủ theo đúng quy định, hướng dẫn trong Phụ lục 02 và tài liệu hướng dẫn. Các danh mục cần rà soát như sau:

- Danh mục đơn vị đăng ký dự thi;
- Danh mục tỉnh, huyện;
- Danh mục xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn;
- Danh mục trường THPT (quy định khu vực của từng trường).

2.2. Bước 2: Căn cứ vào các văn bản trong Phụ lục 02, các sở GDĐT rà soát, kiểm tra: nếu có sửa đổi, bổ sung hay xóa bỏ thì cập nhập ngay vào Hệ thống. Các bước thực hiện theo tài liệu hướng dẫn đính kèm.

Lưu ý: các sở GDĐT giữ ổn định và KHÔNG ĐƯỢC thay đổi mã xã, mã quận/huyện, thị xã/thành phố, mã trường THPT đã có.

Trên cơ sở rà soát đề xuất của Sở GDĐT, căn cứ vào các văn bản có hiệu lực tại các thời điểm và các minh chứng kèm theo, Vụ GDĐH sẽ kiểm tra, thống nhất các trường hợp có thay đổi.

2.3. Bước 3: Các sở GDĐT vào Hệ thống tải các danh mục: tỉnh, huyện; xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn; trường THPT rà soát, kiểm tra lại, hoàn thành trước ngày 20/04/2025.

---

[1] Năm 2025, các sở GDĐT khi rà soát đặc biệt lưu ý đến Quyết định số 497/QĐ-UBDT ngày 30/7/2024 Ủy ban Dân tộc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh tên huyện, xã, thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

2.4 Bước 4: Vụ GDĐH tải dữ liệu về khu vực ưu tiên toàn quốc được xuất ra từ Hệ thống; chuyển sang file PDF gửi để các sở GDĐT tiếp tục kiểm tra, rà soát.

2.5. Bước 5: Vụ GDĐH đưa các danh mục về khu vực ưu tiên (file PDF) lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ.

3. Trước ngày 25/04/2025, Sở GDĐT vào địa chỉ: https://tuyensinh.moet.gov.vn để kiểm tra các danh mục khu vực ưu tiên của sở.

Vụ GDĐH đề nghị các sở GDĐT thường xuyên vào địa chỉ: https://tuyensinh.moet.gov.vn để cập nhật các thông tin mới nhất về tuyển sinh: các văn bản về tuyển sinh, đăng ký xét tuyển; thông tin liên lạc của sở để giải đáp thắc mắc của thí sinh;...

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc xin liên hệ với trực tiếp với Vụ Giáo dục Đại học, Bộ GDĐT (Chuyên viên chính Phạm Văn Lương, điện thoại: 0868310868; email: pvluong@moet.gov.vn).

Bộ GDĐT yêu cầu các sở GDĐT thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung trên./.

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo Công văn số 1158/BGDĐT-GDĐH ngày 19 tháng 3 năm 2025)

QUY ĐỊNH KHU VỰC ƯU TIÊN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC; TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2025

1. Quy định về Khu vực tuyển sinh:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 7 (theo Phụ lục I) của Quy chế tuyển sinh ĐH; CĐ ngành Giáo dục Mầm non hiện hành, các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

Khu vực 1 (KV1) gồm: Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm: Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.

- Khu vực 2 (KV2) gồm: Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).

- Khu vực 3 (KV3) gồm: Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

2. Theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành, các xã thuộc khu vực ưu tiên bao gồm: *"Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ."* (Khoản 1, Điều 7 (theo Phụ lục I của Quy chế)) và *"...các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ"* (Điểm c, khoản 1, Điều 7).

3. Các văn bản làm căn cứ để xác định khu vực ưu tiên

3.1. Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi được quy định tại:

1. Quyết định 447/QĐ-UBDT ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc, về việc Công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015.

2. Quyết định số 68/QĐ-UBDT ngày 19/3/2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc công nhận bổ sung thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015.

3. Quyết định số 601/QĐ-UBDT ngày 29/10/2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

4. Quyết định 73/QĐ-UBDT ngày 29/02/2016 của của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc về việc điều chỉnh khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc miền núi. Quyết định này thay thế nội dung các xã tương ứng trong quyết định 447/QĐ-UBDT.

5. Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

6. Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

7. Công văn số 389/UBDT-CSDT ngày 30/3/2020 hướng dẫn thực hiện chính sách dân tộc, trong đó có việc quy định các xã, thôn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135; các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp, sáp nhập, đổi tên.

8. Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II và khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc và thiểu số giai đoạn 2021-2025.

9. Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

10. Quyết định số 497/QĐ-UBDT ngày 30/7/2024 Ủy ban Dân tộc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh tên huyện, xã, thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025[2].

3.2. Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được quy định tại:

1. Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 1/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015.

2. Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 13/04/2015, của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Định.

3. Quyết định số 2311/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Kiên Giang.

---

[2] Việc áp dụng các chế độ, chính sách đối với các thôn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung của Quyết định này thực hiện theo quy định Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Quyết định số 2312/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Khánh Hòa.

5. Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 01/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Thuận.

6. Quyết định số 810/QĐ-TTg ngày 13/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Trà Vinh.

7. Quyết định số 1900/QĐ-TTg ngày 04/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Sóc Trăng.

8. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

9. Quyết định số 1859/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc thành phố Hải Phòng.

10. Quyết định 596/QĐ-TTg ngày 28/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

11. Quyết định số 1421/QĐ-TTg ngày 25/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung xã Vĩnh Hải, huyện Hải Ninh, tỉnh Ninh Thuận vào sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

12. Quyết định số 1464/QĐ-TTg ngày 24/08/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Quảng Nam.

13. Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

3.3. Các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã An toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 được quy định tại:

1. Quyết định 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.

2. Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 08/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013.

3. Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015.

4. Quyết định số 74/QĐ-UBDT ngày 29/02/2016 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015.

5. Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2016.

6. Quyết định 75/QĐ-UBDT ngày 29/02/2016 của của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dan tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016.

7. Quyết định số 177/QĐ-UBDT ngày 19/04/2016 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dan tộc về việc phê duyệt bổ sung danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm.

8. Quyết định 900/QĐ-TTg ngày 20/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020.

9. Quyết định số 414/QĐ-UBDT ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dan tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 – 2021.

10. Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 về việc công nhận Xã An toàn khu tại tỉnh Ninh Bình.

11. Quyết định 2475/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Lạng Sơn.

12. Quyết định 235/QĐ-TTg ngày 27/02/2019 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Sóc Trăng.

13. Quyết định 1614/QĐ-TTg ngày 22/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận Xã An toàn khu tại tỉnh Ninh Thuận.

14- Quyết định 164/QĐ-TTg ngày 07/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Công nhận các xã An toàn khu tại tỉnh Quảng Nam.

15. Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 24/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ xã ATK, vùng ATK trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

16. Quyết định số 164/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã ATK thuộc tỉnh Kiên Giang.

17. Quyết định số 270/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã ATK thuộc tỉnh Sóc Trăng.

18. Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 13/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã ATK, vùng ATK trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Và các quyết định, văn bản khác liên quan đến khu vực ưu tiên nhưng không trái với quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành. Trong trường hợp này, đề nghị các sở GDĐT báo cáo về Vụ GDĐH để xem xét và cập nhật vào Hệ thống.

PHỤ LỤC 03

(Kèm theo Công văn số 1158/BGDĐT-GDĐH ngày 19 tháng 03 năm 2025)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHÂN HỆ QUẢN LÝ HỌC BẠ THPT TRÊN HỆ THỐNG QUẢN LÝ THI, HỆ THỐNG HỖ TRỢ TUYỂN SINH CHUNG

(Dành cho điểm tiếp nhận hồ sơ và thí sinh)

Mục lục

I. Hướng dẫn dành cho Điểm TNHS 3
1. Sửa thông tin học bạ 3
2. Nhập thông tin học bạ từ tập tin 5
3. Tìm kiếm 7
4. Xác nhận thông tin học bạ 8
5. In danh sách 9
6. Đồng bộ học bạ từ CSDL Ngành 10
II. Hướng dẫn dành cho thí sinh 11
1. Xem Học bạ THPT 11
2. Báo sai sót 12

Tài liệu này được xây dựng nhằm hướng dẫn người dùng là cán bộ tại các **Điểm Tiếp nhận hồ sơ (TNHS)** sử dụng được các chức năng trong Sau đó nhấn Gửi phản ánh của **Hệ thống Quản lý thi, Hệ thống Hỗ trợ tuyển sinh chung** (Hệ thống) và thí sinh sử dụng để xem và gửi sai sót thông tin học bạ.

- Các điểm TNHS sử dụng tài khoản hệ thống và mật khẩu được cấp để thực hiện đăng nhập vào VPN và truy cập vào Hệ thống qua địa chỉ *http://quanly.thitotnghiepthpt.edu.vn;*
- Thí sinh sử dụng tài khoản được cấp để truy cập vào hệ thống qua địa chỉ: *https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn;*

Trong quá trình thực hiện nội dung này, nếu có vướng mắc về kỹ thuật đề nghị liên hệ tổng đài 1800 8000 nhánh số 2.

I. Hướng dẫn dành cho Điểm TNHS

Hệ thống tự động lấy dữ liệu học bạ ban đầu (Đồng bộ một lần theo lịch đồng bộ của Bộ GDĐT) từ **Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo** (CSDL Ngành) theo mã **Định danh công dân** của thí sinh;

Trường hợp người dùng cần điều chỉnh lại dữ liệu trên hệ thống hoặc muốn nhập điểm học bạ THPT bằng hình thức thủ công người dùng thực hiện theo hướng dẫn.

1. Sửa thông tin học bạ

Bước 1: Chọn menu: **Quản lý phiếu đăng ký => Quản lý học bạ THPT**

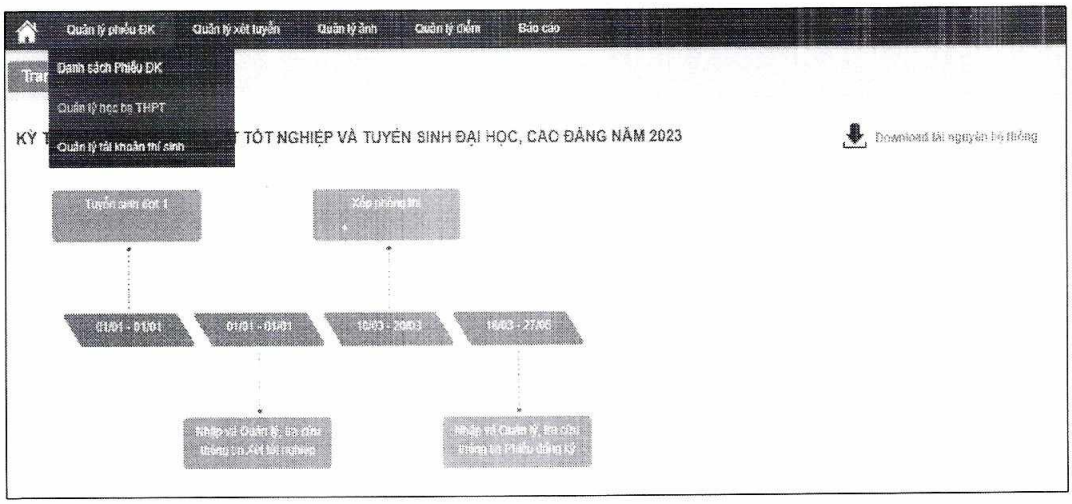

Màn hình hiển thị giao diện quản lý học bạ

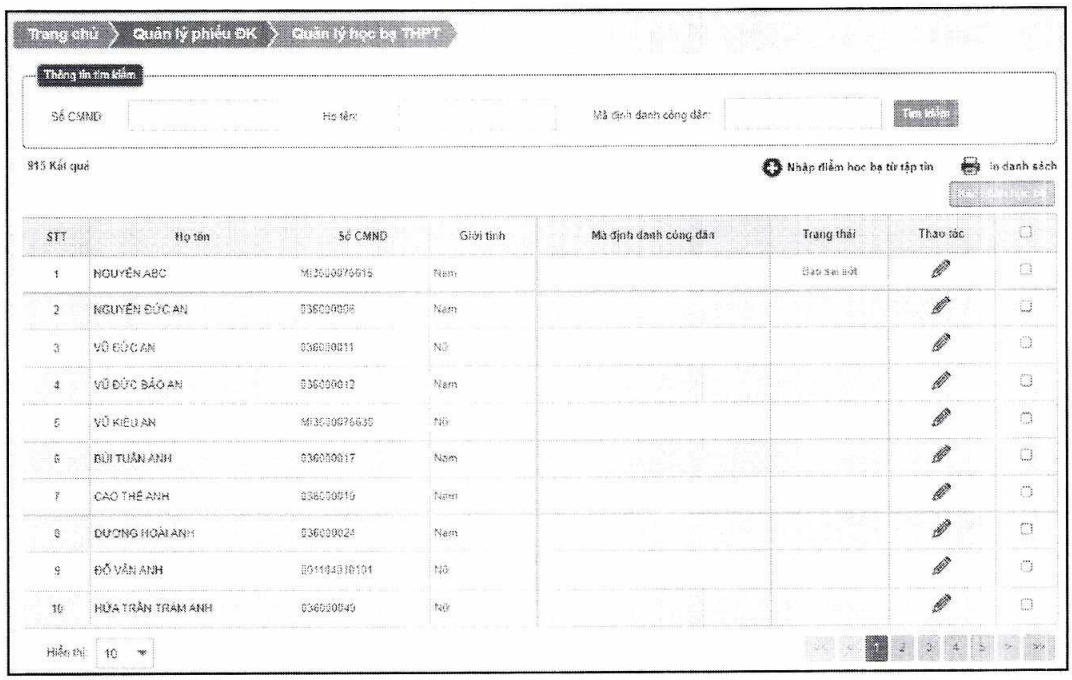

Giao diện Quản lý học bạ

Bước 2: Trên màn hình chức năng quản lý học bạ THPT, nhấn nút "**Sửa**", màn hình hiển thị giao diện chức năng **Sửa thông tin điểm học bạ**:

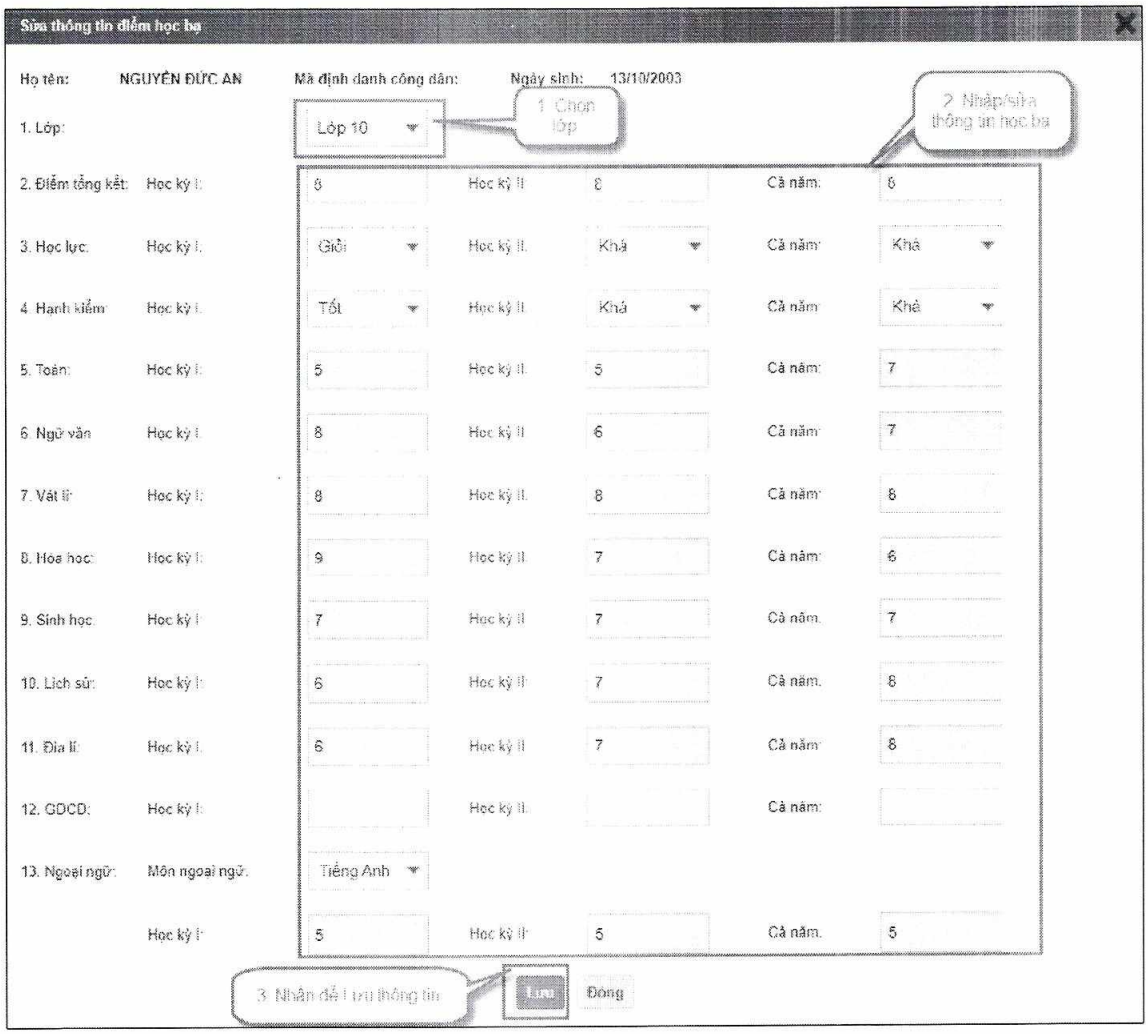

Người dùng chọn "**Lớp**", thực hiện **nhập/sửa** điểm học bạ các môn và nhấn nút "**Lưu**" để lưu lại thông tin.

2. Nhập thông tin học bạ từ tập tin

Các thí sinh không có thông tin học bạ trong hệ thống CSDL ngành, người dùng có thể thực hiện nhập điểm cho các thí sinh từ file excel.

Bước 1: Tại màn hình **Quản lý phiếu đăng ký => Quản lý học bạ THPT**, nhấn nút **Nhập điểm học bạ từ tập tin**

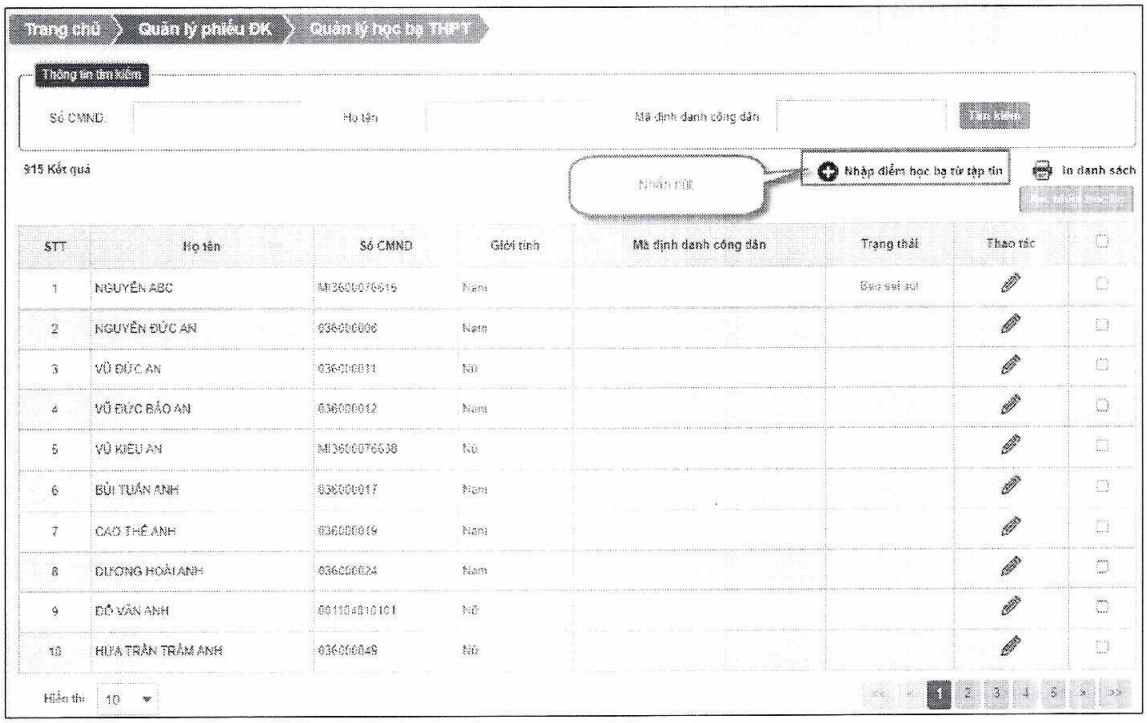

Giao diện Quản lý học bạ THPT

Bước 2: Người dùng **Tải file biểu mẫu** tại "Download Biểu mẫu chuẩn"

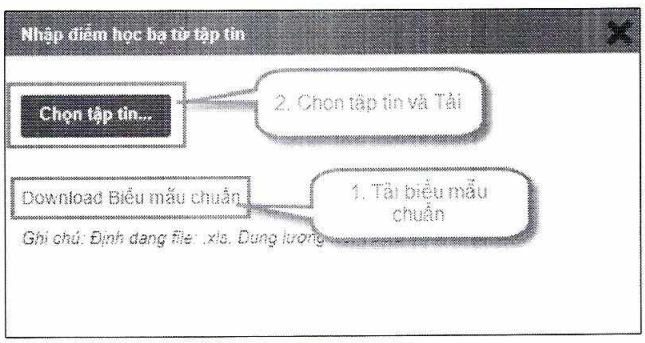

Giao diện chức năng Nhập điểm học bạ từ tập tin

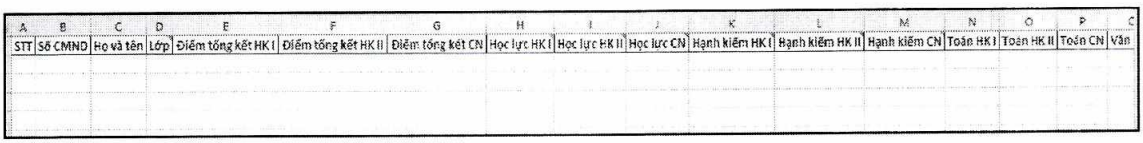

File biểu mẫu

Người dùng tiến hành nhập thông tin trong file Biểu mẫu đã tải về;

Sau khi đã nhập thông tin, người dùng chọn **Chọn tập tin** để tải file đã nhập dữ liệu lên hệ thống và Bấm nút **Tải lên**:

3. Tìm kiếm

Bước 1: Đăng nhập hệ thống bằng tài khoản điểm TNHS => **Quản lý phiếu đăng ký => Quản lý học bạ THPT**

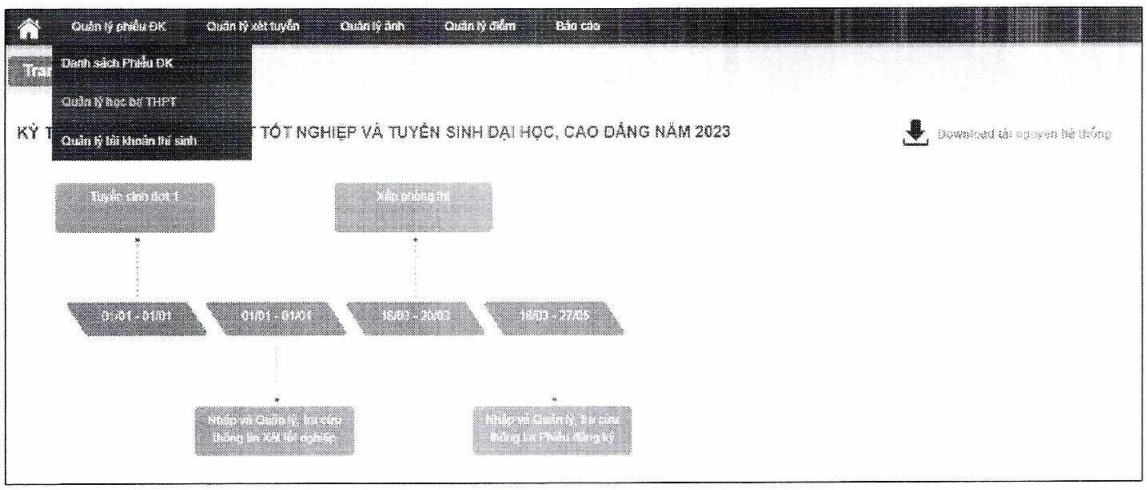

Bước 2: Nhập thông tin cần tìm kiếm

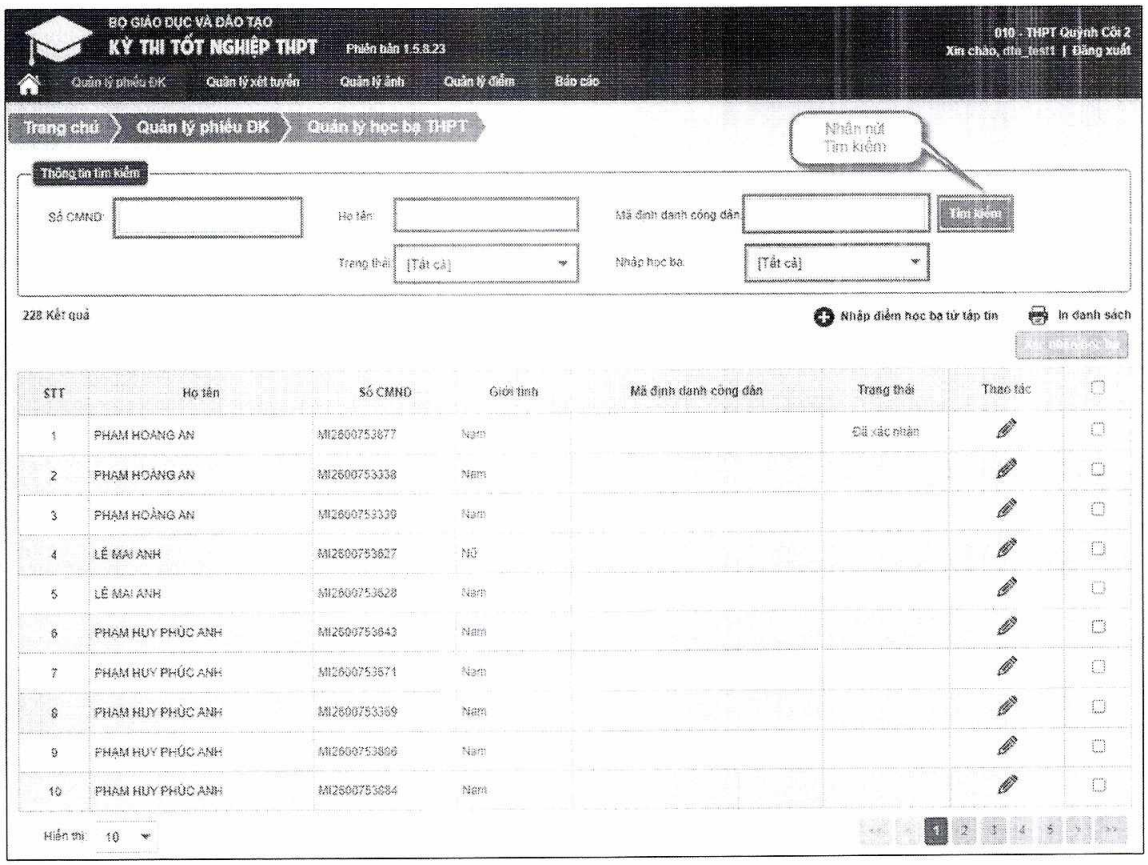

Giao diện chức năng Quản lý học bạ THPT

Lưu ý Dữ liệu nhập vào ô tìm kiếm:

- Số CMND: Cho phép tìm kiếm học bạ theo số CMND của thí sinh (tìm kiếm tuyệt đối);
- Họ và tên: Cho phép tìm kiếm học bạ theo họ tên thí sinh (tìm kiếm tương đối);
- Mã định danh công dân: Cho phép tìm kiếm học bạ theo mã định danh công dân của thí sinh (tìm kiếm tương đối);
- Trạng thái: Cho phép tìm kiếm học bạ theo trạng thái xác nhận học bạ (Trạng thái tìm kiếm mặc định là **[Tất cả]**, các Trạng thái bao gồm **Báo sai sót**, **Đã xác nhận**, **Chưa xác nhận**)
- Nhập học bạ: Cho phép tìm kiếm theo trạng thái nhập học bạ (Trạng thái tìm kiếm mặc định là **[Tất cả]**, các Trạng thái bao gồm **Đã nhập học bạ**, **Chưa nhập học bạ**)

Bước 3: Nhấn **Tìm kiếm**.

Hệ thống sẽ đưa ra kết quả tìm kiếm theo các dữ liệu được nhập.

4. Xác nhận thông tin học bạ

Sau khi kiểm tra, chỉnh sửa các thông tin về học bạ cho thí sinh, Điểm TNHS thực hiện xác nhận thông tin học bạ.

Bước 1: Truy cập menu **Quản lý phiếu đăng ký => Quản lý học bạ THPT.**

Điểm TNHS tích chọn các thí sinh cần xác nhận và nhấn nút **Xác nhận học bạ**

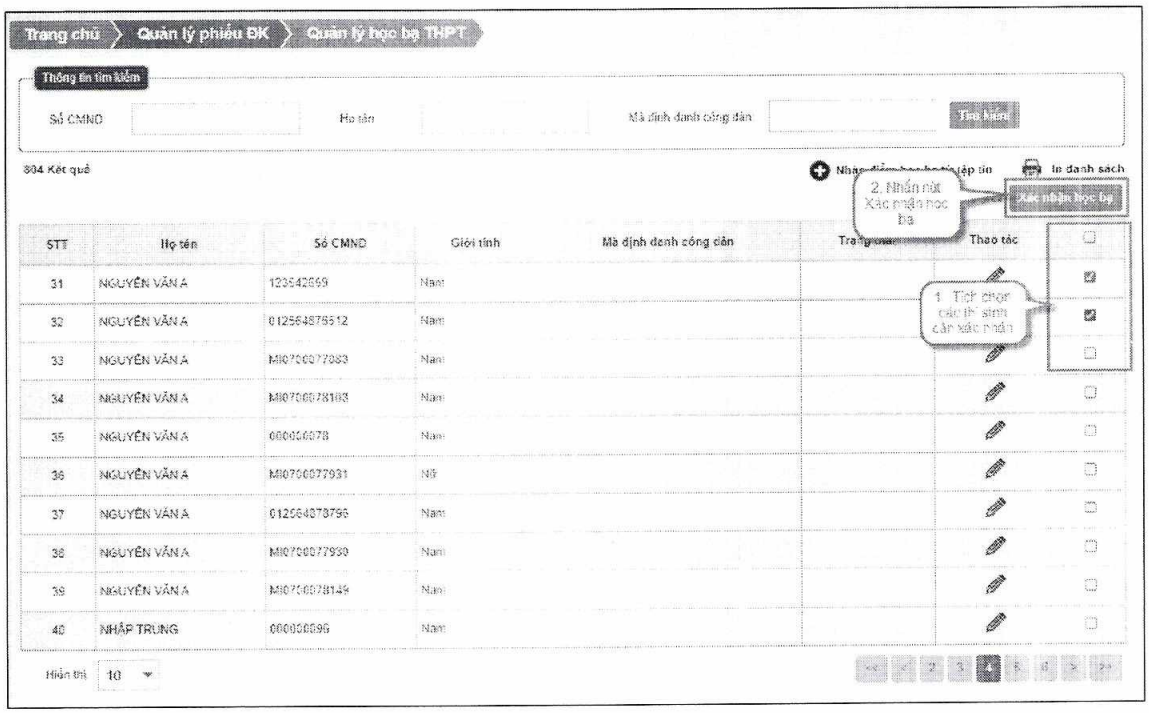

Bước 2: Nhấn nút **Đồng ý** để hoàn tất việc xác nhận thông tin.

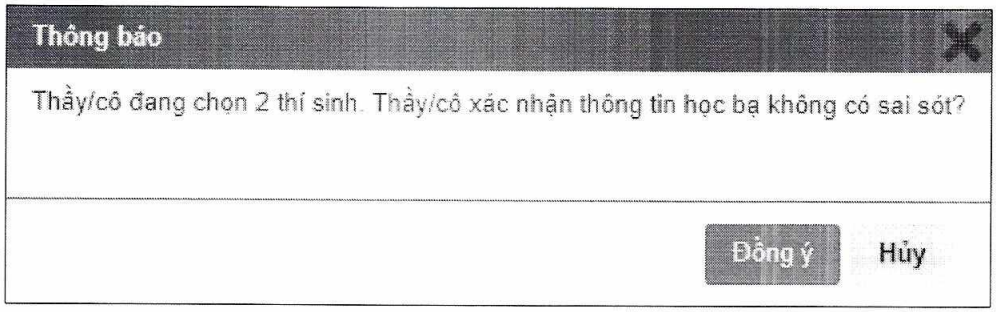

Thông báo xác nhận thông tin học bạ

5. In danh sách

Bước 1: Truy cập menu: **Quản lý phiếu đăng ký => Quản lý học bạ THPT**

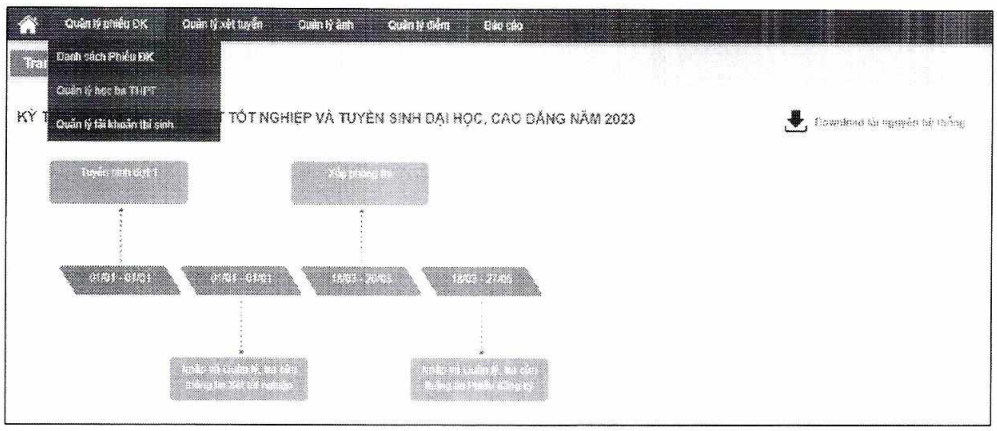

Bước 2: Nhấn vào nút **In danh sách** để tải về tệp thông tin học bạ

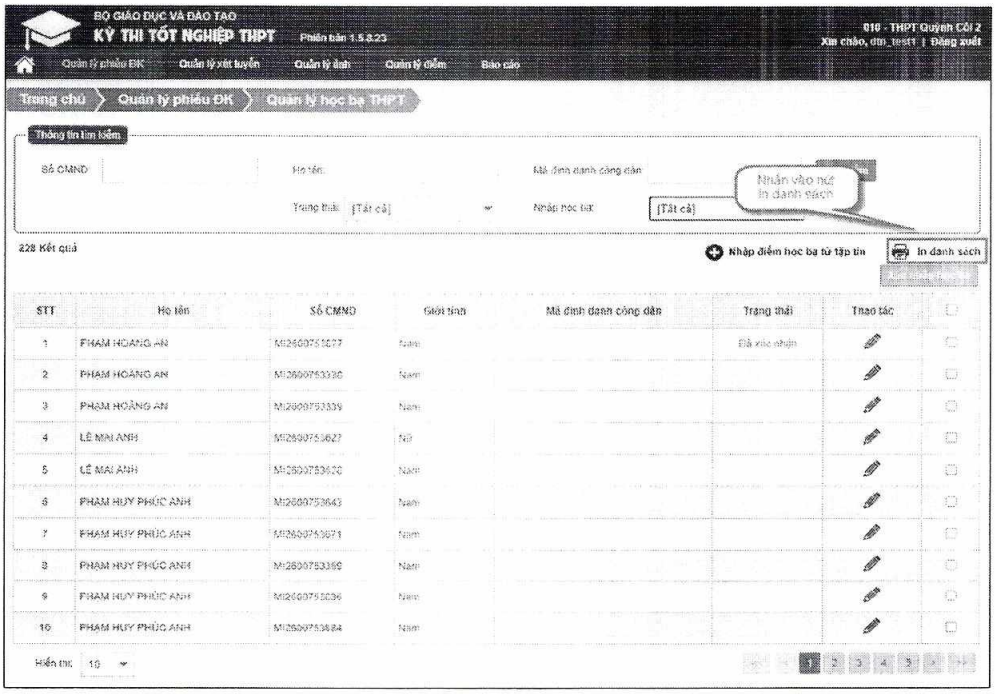

6. Đồng bộ học bạ từ CSDL Ngành

Người dùng có thể sử dụng chức năng này trong trường hợp người dùng muốn đồng bộ đơn lẻ dữ liệu từng thí sinh từ CSDL Ngành.

Bước 1: Đăng nhập thành công vào tài khoản Điểm TNHS => **Quản lý phiếu đăng ký => Quản lý học bạ THPT**

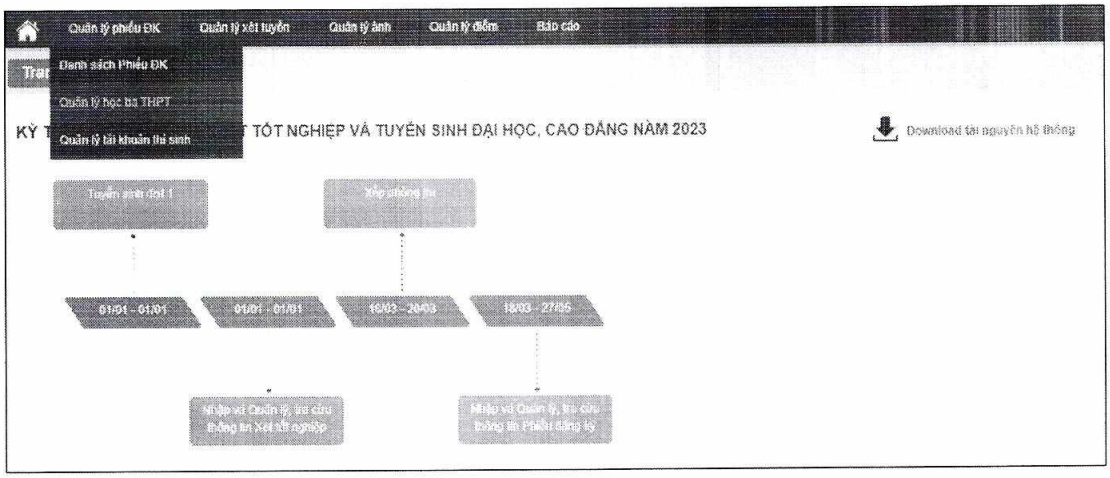

Bước 2: Tích chọn vào bản ghi cần cần đồng bộ. Hệ thống cho phép người dùng có thể chọn 1 bản ghi, nhiều bản ghi hoặc chọn tất cả bản ghi trên trang hiển thị.

Nhấn nút **Đồng bộ dữ liệu học bạ từ CSDL Ngành**

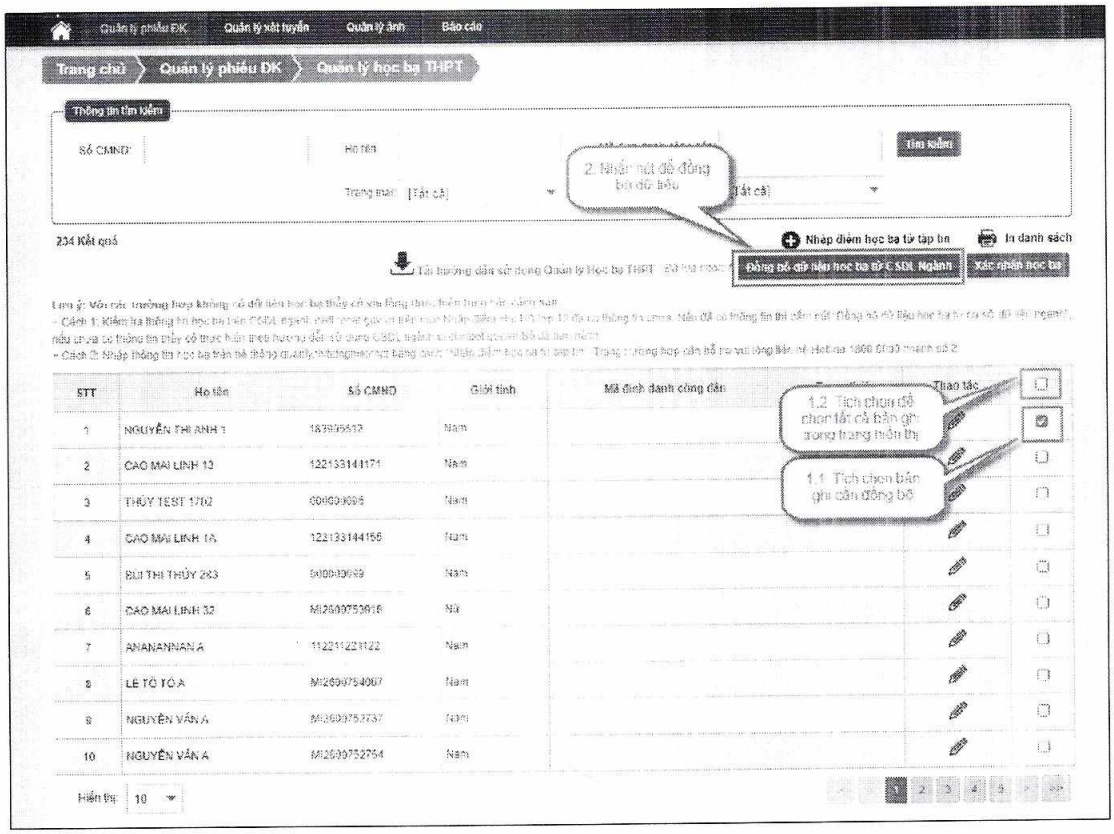

Bước 3: Hệ thống hiển thị cửa sổ xác nhận. Bấm **Đồng ý** để xác nhận đồng bộ dữ liệu

*Lưu ý khi nhấn **"Đồng ý"** dữ liệu học bạ cũ của học sinh học bạ trên hệ thống (nếu có) sẽ bị **xóa** và dữ liệu học bạ của học sinh được đồng bộ từ **Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo** (csdl.moet.gov.vn).*

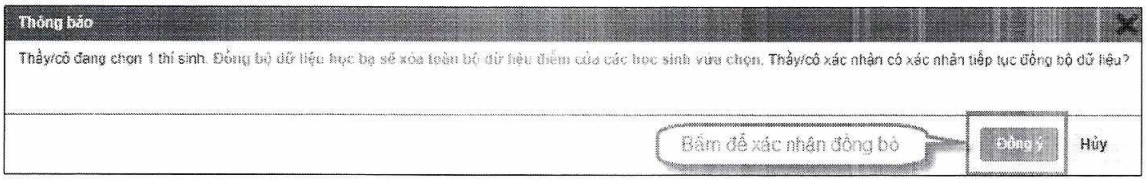

Thông báo đồng bộ dữ liệu

II. Hướng dẫn dành cho thí sinh

1. Xem Học bạ THPT

Bước 1: Thí sinh đăng nhập vào hệ thống => Nhấn **Tra cứu** => Nhấn **Học bạ THPT**

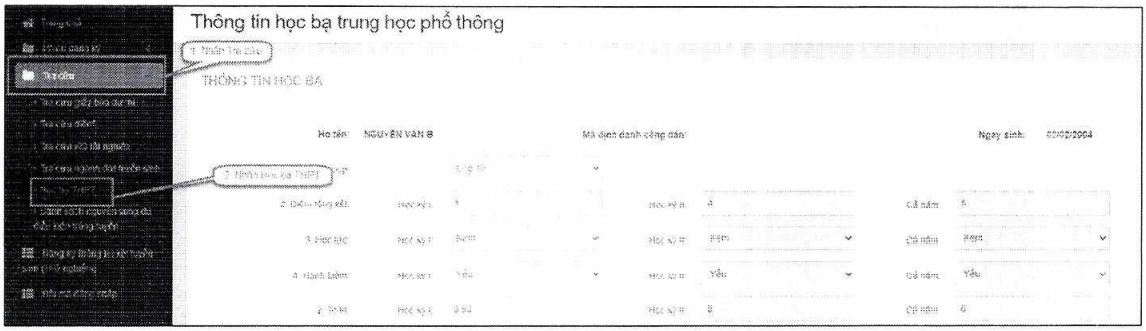

Bước 2: Thí sinh thực hiện xem điểm học bạ

Tại mục **Lớp** chọn lớp cần xem điểm học bạ.

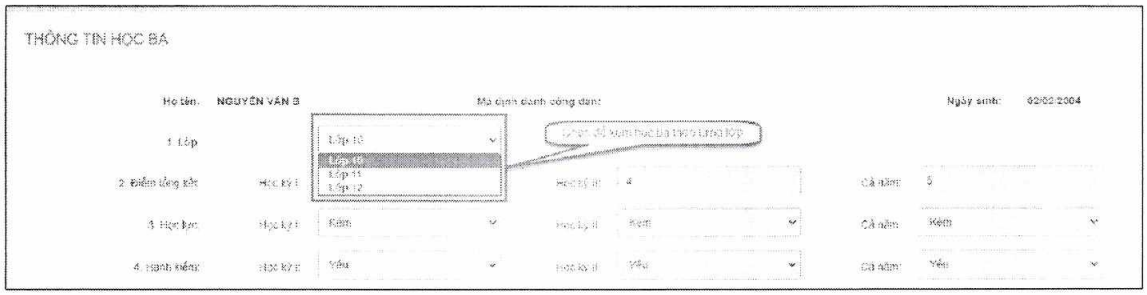

Giao diện xem điểm học bạ

2. Báo sai sót.

(Dành cho thí sinh phát hiện sai sót về điểm học bạ)

Bước 1: Tại giao diện **Học bạ THPT** nhấn **Báo sai sót**

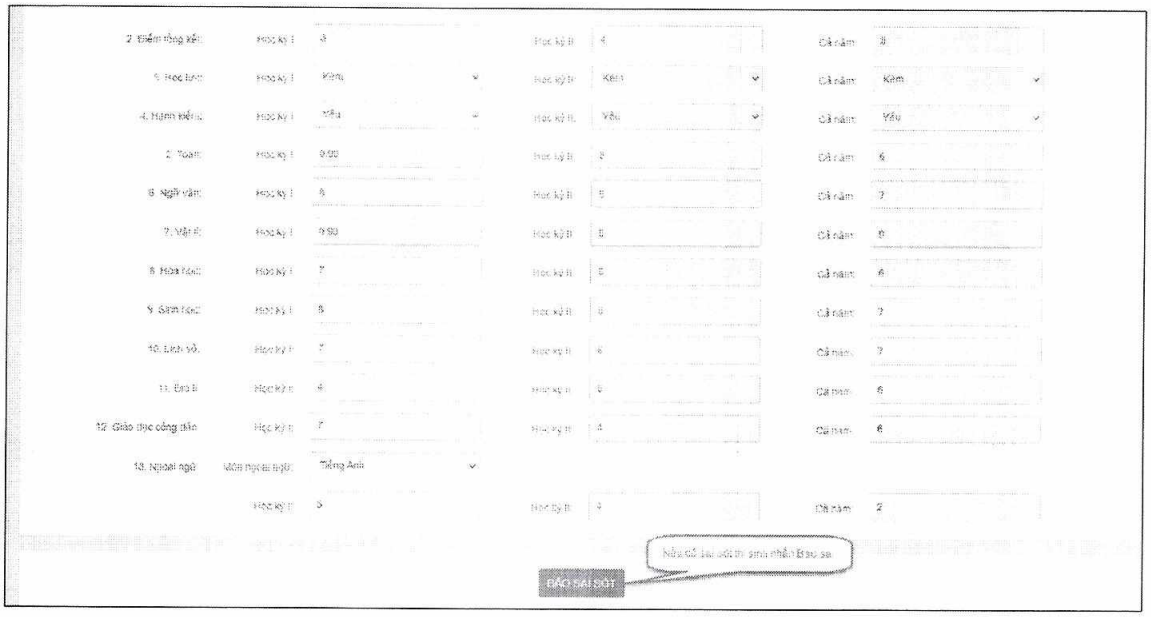

Thí sinh chọn báo sai sót tại giao diện Học bạ THPT

(Lưu ý: Nút báo sai sót được dùng để báo sai sót cho tất cả năm học. Thí sinh phát hiện sai sót ở tất cả các năm học có thể thực hiện báo sai sót cùng trong một lần)

Bước 2: Sau khi nhấn **Báo sai sót** hệ thống sẽ hiển thị màn hình để thí sinh nhập thông tin sai sót. Thí sinh nhập thông tin sai sót trong màn hình hiện lên.

Ví dụ: *"Sai thông tin Học lực học kì 1; Sai thông tin điểm môn Toán học kì 1 lớp 12, môn Văn cuối năm lớp 11".*

- Sau khi nhập thông tin => nhấn **Gửi phản ánh**

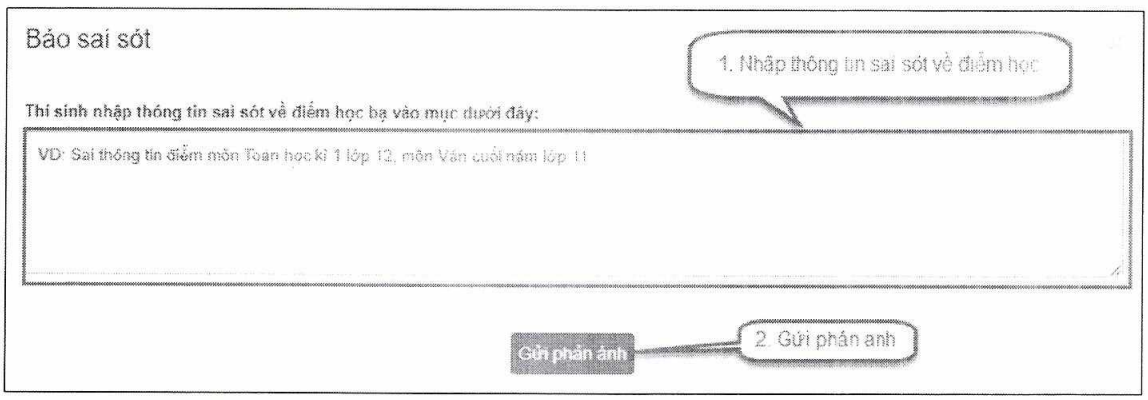

*Giao diện nhập thông tin **Báo sai sót***

PHỤ LỤC 04

(Kèm theo Công văn số 1158/BGDĐT-GDĐH ngày 19/3/2025)

HƯỚNG DẪN CẬP NHẬT, BỔ SUNG THÔNG TIN CÁ NHÂN VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN CHO HỌC SINH TRÊN HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH

(Dành cho các cơ sở giáo dục)

MỤC LỤC

I. Mục đích, yêu cầu chung 1

1.1. Mục đích 1

1.2. Yêu cầu 1

II. Hướng dẫn nhà trường 2

2.1. Hướng dẫn cập nhật thông tin cá nhân của học sinh 2

2.2. Hướng dẫn cập nhật thông tin kết quả học tập, rèn luyện của học sinh 4

2.3. Xét hoàn thành kết quả học tập, rèn luyện lớp 12 9

2.4. Thống kê tiến độ nhập thông tin cá nhân và kết quả học tập, rèn luyện lớp 12 9

III. Thông tin hỗ trợ kỹ thuật 11

HƯỚNG DẪN NHẬP KẾT QUẢ HỌC TẬP TOÀN KHÓA LỚP 12

I. Mục đích, yêu cầu chung

1.1. Mục đích

Hướng dẫn trường THPT và GDTX (bao gồm các Trung tâm GDNN-GDTX) cập nhật kết quả học tập toàn khóa của học sinh đang học lớp 12 năm học 2024-2025 trên hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và đào tạo phục vụ tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (TN THPT) và xét tuyển đại học, cao đẳng năm 2025.

Các đơn vị dùng tài khoản quản trị đã được cấp (do Sở GD&ĐT cấp theo thẩm quyền quản lý) để đăng nhập, tạo tài khoản và phân quyền cho người thực hiện báo cáo nội dung này. Trong trường hợp quên tài khoản, đề nghị liên hệ với cán bộ phụ trách CSDL của Sở GD&ĐT (nơi cấp tài khoản) để được hỗ trợ.

1.2. Yêu cầu

Trước khi thực hiện trên phần mềm, các đơn vị trường rà soát, chuẩn bị đầy đủ, chính xác các thông tin sau đây của học sinh lớp 12 năm học 2024-2025.

(1) Thông tin cá nhân của học sinh:

+ Họ và tên, ngày sinh, giới tính, dân tộc.

+ Số chứng minh nhân dân (CMND)/căn cước công dân (CCCD, đồng thời là số định danh cá nhân – ĐDCN). Trong trường hợp học sinh chưa có thẻ CMND/CCCD, cơ sở giáo dục cần hướng dẫn phụ huynh học sinh xin thông tin số định danh cá nhân tại đơn vị công an nơi thường trú để cập nhật vào mục CMND/CCCD trong hồ sơ học sinh trên CSDL ngành. Đồng thời hướng dẫn, nhắc nhở học sinh khẩn trương đến đơn vị công an có thẩm quyền để xin cấp thẻ CCCD. Đối với thí sinh không có quốc tịch Việt Nam thì sử dụng số hộ chiếu của thí sinh để thay thế (nhập vào mục **Số hộ chiếu**).

+ Nơi thường trú: yêu cầu cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin tỉnh/thành phố, quận/huyện, phường/xã/thị trấn nơi học sinh thường trú.

(2) Thông tin kết quả học tập, rèn luyện của học sinh:

+ Điểm tổng kết từng môn học (có tính điểm) của từng học kỳ và cả năm của các năm học lớp 10, 11, 12.

+ Kết quả học tập, kết quả rèn luyện của từng học kỳ và cả năm của các năm học lớp 10, 11, 12.

- Quy trình nhập liệu, báo cáo các cấp:

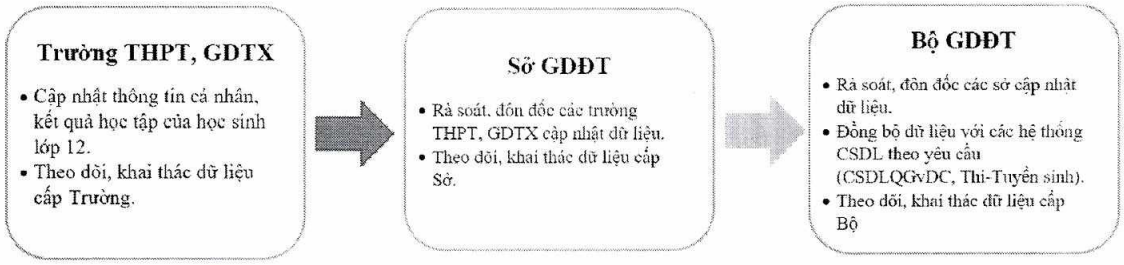

II. Hướng dẫn nhà trường

- Bậc học THPT: Thực hiện tại menu chức năng **[Quản lý giáo dục THPT]/4.3 Kết quả học tập rèn luyện/4.3.5 Nhập kết quả học tập cho học sinh lớp 12**

- Bậc GDNN-GDTX: Thực hiện tại menu chức năng **[Quản lý giáo dục GDTX]/ 4.3 Kết quả học tập rèn luyện/4.3.4 Nhập kết quả học tập cho học sinh lớp 12.**

Hướng dẫn này được thực hiện tại cấp THPT, đối với cấp GDTX nhà trường thực hiện tương tự.

2.1. Hướng dẫn cập nhật thông tin cá nhân của học sinh

Mô tả: Chức năng này giúp nhà trường cập nhật thông tin cá nhân của từng học sinh.

Hệ thống hỗ trợ 2 cách cập nhật: Cập nhật trực tiếp hoặc Cập nhật từ file Excel.

(i) Cập nhật trực tiếp

Bước 1: Tại phần mềm **[Quản lý giáo dục THPT]**, chọn mục **4. Học sinh/4.1. Hồ sơ học sinh /4.1.1. Quản lý hồ sơ học sinh.**

Bước 2: Giao diện hiển thị danh sách học sinh theo từng Khối, Lớp, nhà trường nhấn biểu tượng tại cột **Sửa** để tiến hành cập nhật Hồ sơ.

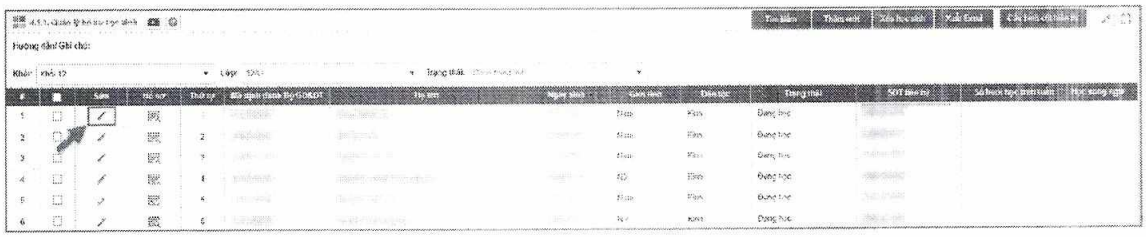

Bước 3: Tại giao diện hồ sơ học sinh cập nhật các thông tin:

+ Họ và tên, ngày sinh, giới tính, dân tộc.

+ Số chứng minh nhân dân (CMND)/căn cước công dân (CCCD, đồng thời là số định danh cá nhân – ĐDCN). Đối với thí sinh không có quốc tịch Việt Nam, nhập số hộ chiếu của thí sinh vào mục **Số Hộ chiếu**.

+ Nơi thường trú: yêu cầu cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin tỉnh/thành phố, quận/huyện, phường/xã/thị trấn nơi học sinh thường trú.

Sau khi đã cập nhật đầy đủ thông tin nhấn nút **Ghi** để lưu thông tin. Khi hiển thị tại góc dưới bên phải nghĩa là thông tin đã được lưu lại thành công.

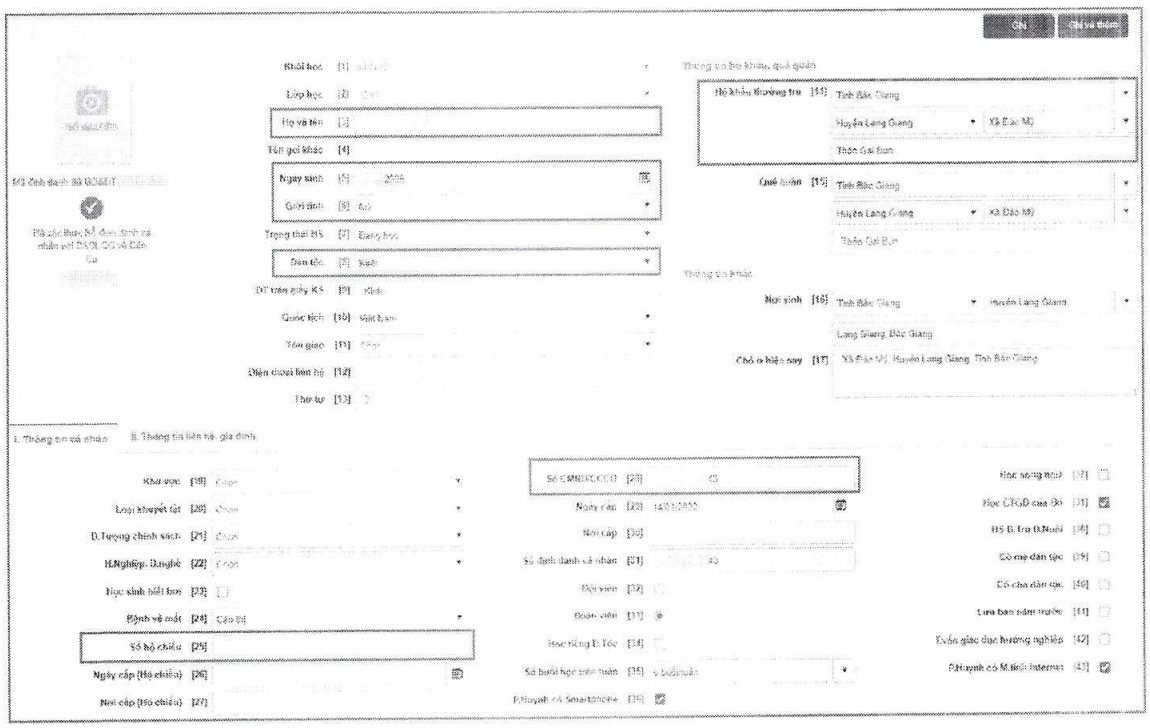

(ii) Cập nhật từ file Excel

Bước 1: Tại phần mềm **[Quản lý giáo dục THPT]**, chọn mục **4. Học sinh/4.1. Hồ sơ học sinh/4.1.2. Nhập hồ sơ học sinh từ excel.**

Tại màn hình Nhập hồ sơ học sinh từ excel, Kích nút **[Tải file mẫu],** hệ thống tải về file danh sách học sinh với đầy đủ dữ liệu đã có trên hệ thống, nhà trường bổ sung, cập nhật các thông tin cần nhập theo yêu cầu và lưu file.

Bước 2: Quay trở lại phần mềm, thực hiện **[Chọn tệp]**, chọn file Excel mẫu đã nhập sau đó kích **[Tải lên].**

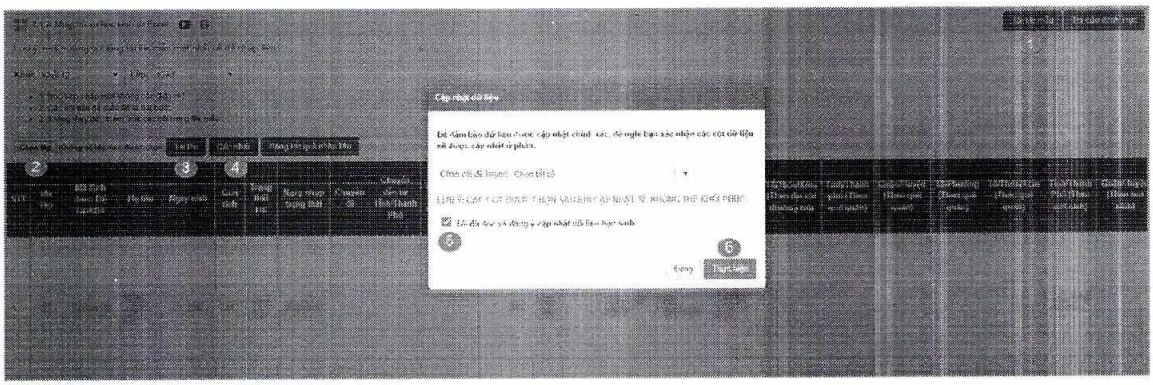

Bước 3: Kích nút **[Cập nhật],** màn hình hiện thông báo ***"Để đảm bảo dữ liệu được cập nhật chính xác, đề nghị bạn xác nhận các cột dữ liệu sẽ được cập nhật ở phần"***, kích chọn cột để import sau đó tích chọn **[Tôi đã đọc và đồng ý cập nhật dữ liệu học sinh]** và nhấn nút **[Thực hiện]** để lưu lại. Nếu thông báo hiển thị màu đỏ với nội dung: **'Lỗi'**, nhà trường kích nút [**Bảng kết quả nhập liệu**] để xem chi tiết các lỗi nhập liệu và cập nhật lại theo hướng dẫn trong file và tải lại file dữ liệu.

Lưu ý (*): Sau khi cập nhật thông tin cá nhân, nhà trường gửi yêu cầu xác thực, định danh với CSDLQGvDC trên Hệ thống CSDL ngành (menu chức năng **4.1.7. Xác thực, đồng bộ số định danh cá nhân học sinh với CSDLQG về Dân cư**). Hệ thống sẽ kết nối, xác thực, định danh hồ sơ của học sinh với CSDLQGvDC.

2.2. Hướng dẫn cập nhật thông tin kết quả học tập, rèn luyện của học sinh

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ nhà trường rà soát và cập nhật thông tin kết quả học tập, rèn luyện các năm học lớp 10, 11, 12 của học sinh đang học lớp 12 bao gồm: điểm tổng kết từng môn (có tính điểm), điểm trung bình năm, kết quả học tập, kết quả rèn luyện của từng học kỳ và cả năm.

Chức năng này được thao tác tại năm học 2024-2025

Cách thức thực hiện như sau:

Tại phần mềm **[Quản lý giáo dục THPT],** kích chọn **4. Học sinh/ 4.3 Nhập kết quả học tập rèn luyện/ 4.3.5 Nhập kết quả học tập cho học sinh lớp 12.**

- Đối với những học sinh đã được nhập kết quả học tập các năm học lớp 10, 11, 12: nhà trường kích nút **[Lấy KQHT lớp]** hoặc **[Lấy KQHT toàn khóa]** để lấy dữ liệu.

- Đối với học sinh chưa nhập kết quả học tập, hệ thống hỗ trợ 2 cách cập nhật: Cập nhật trực tiếp hoặc Cập nhật từ file Excel.

Cách 1: Nhập trực tiếp tại giao diện phần mềm

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại phần mềm **[Quản lý giáo dục THPT]**, kích chọn **4. Học sinh/ 4.3 Nhập kết quả học tập rèn luyện/ 4.3.5 Nhập kết quả học tập cho học sinh lớp 12.**

Bước 2: Kích chọn lớp và kích nút **[Cập nhật]** trước tên học sinh cần nhập dữ liệu.

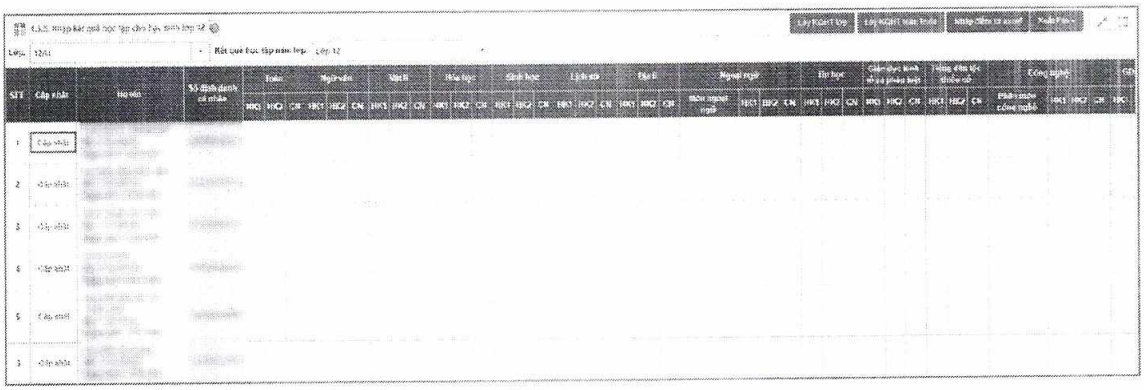

Bước 3: Nhập kết quả học tập, rèn luyện các năm học lớp 10, 11, 12 của học sinh.

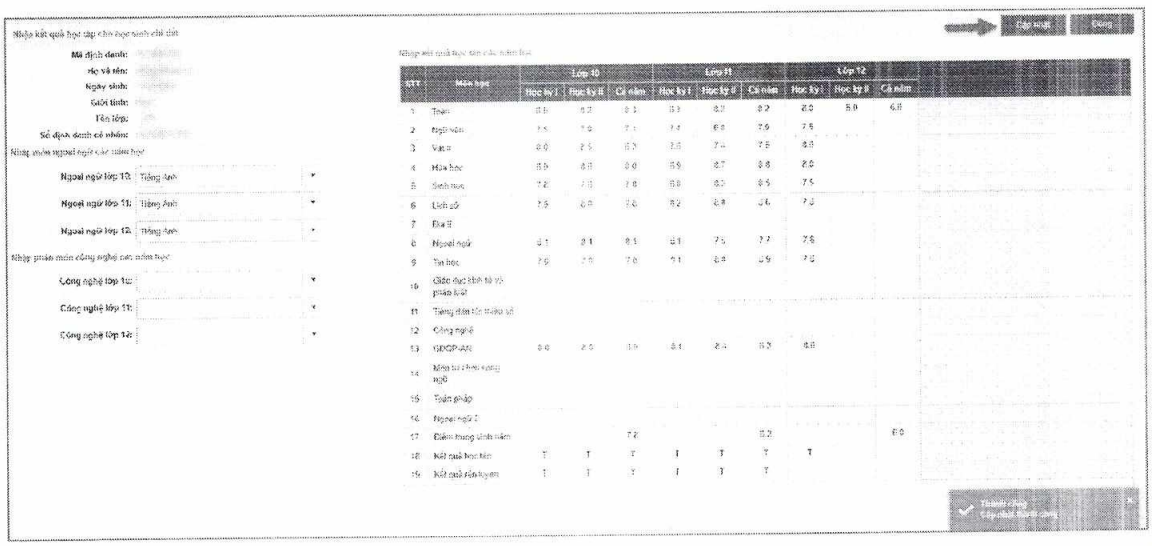

Bước 4: Kích nút **[Cập nhật]** để lưu lại dữ liệu.

Cách 2: Cập nhật từ file excel mẫu

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại phần mềm **[Quản lý giáo dục THPT]**, kích chọn **4. Học sinh/ 4.3 Nhập kết quả học tập rèn luyện/ 4.3.5 Nhập kết quả học tập cho học sinh lớp 12.**

Bước 2: Kích nút **[Nhập điểm từ excel],** kích chọn lớp cần nhập dữ liệu để tải file mẫu có dữ liệu về máy.

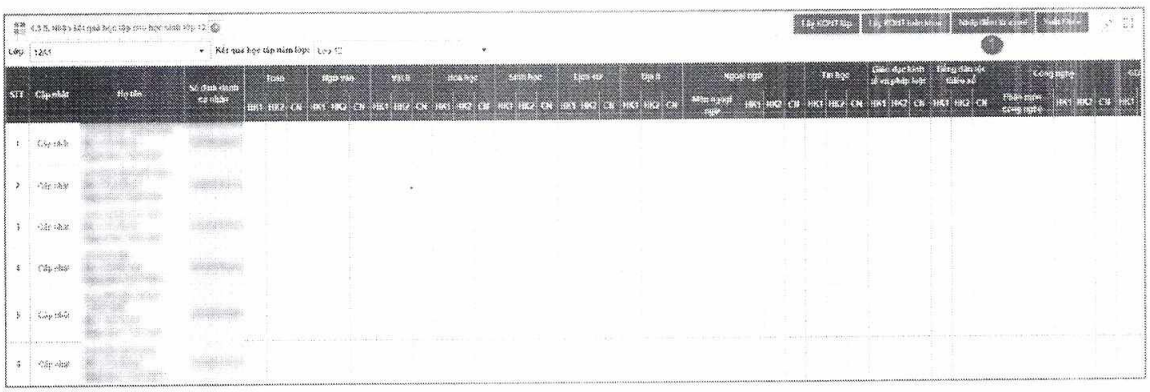

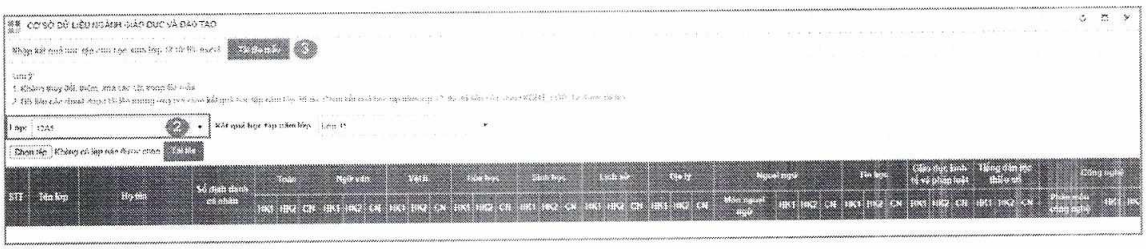

Bước 3: Cập nhật kết quả học tập toàn khóa của học sinh vào file excel.

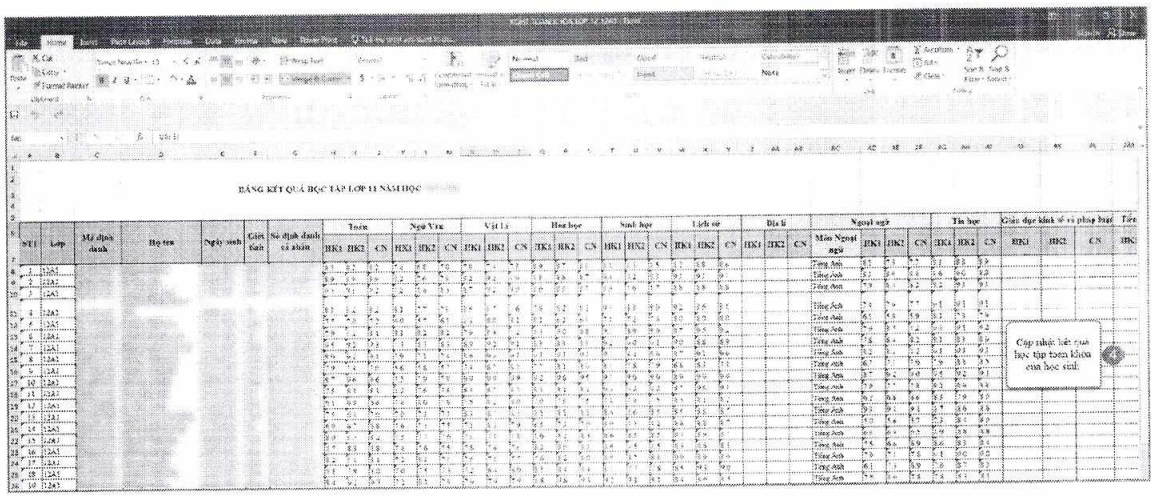

Bước 4: Quay trở lại phần mềm, kích **[Chọn tệp],** chọn đến file excel vừa nhập và kích nút **[Tải lên].**

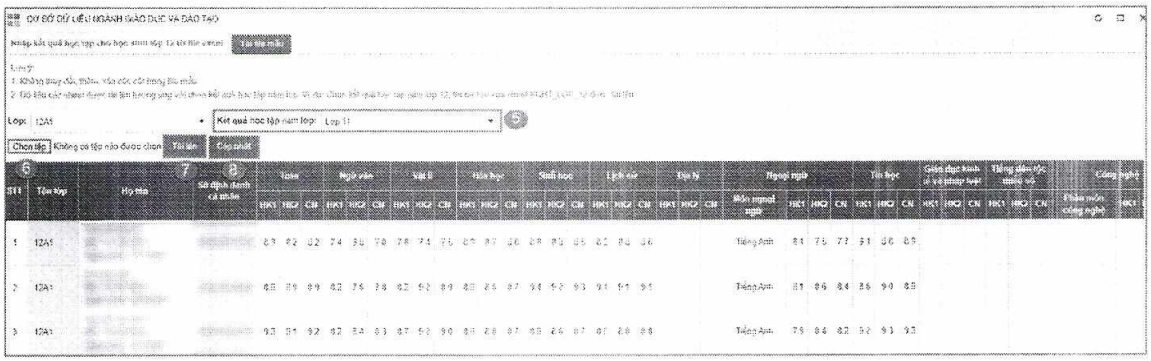

Bước 5: Kích nút **[Cập nhật],** hệ thống thông báo: ***"Bạn có chắc chắn muốn cập nhật dữ liệu?"***. Kích **[Ok]** để đồng ý và chờ hệ thống phản hồi thông tin dữ liệu được tải lên.

Nếu thông báo hiển thị màu xanh với nội dung: **Đã cập nhật thành công**, nhà trường mở lại mục **Nhập kết quả học tập cho học sinh lớp 12** để kiểm tra dữ liệu sau khi tải.

Nếu thông báo hiển thị màu đỏ với nội dung: **Lỗi**, Nhà trường kích nút **[Bảng kết quả nhập liệu]** để xem nội dung nhập lỗi.

<u>Lưu ý:</u>

- Đối với cột Môn ngoại ngữ: Hệ thống sẽ mặc định lấy tên môn theo chương trình học ngoại ngữ mà nhà trường đã cấu hình tại mục **2. Lớp học/ 2.1. Hồ sơ lớp học** theo từng năm học.

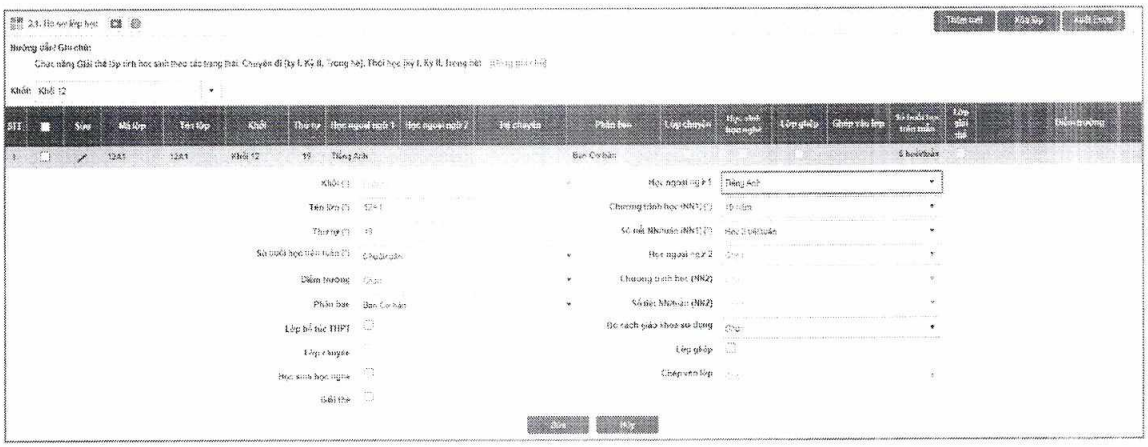

Trường hợp nhà trường chưa cấu hình môn học ngoại ngữ tại mục Hồ sơ lớp học, nhà trường thực hiện cập nhật tên Môn ngoại ngữ tại nút **[Cập nhật]** trước tên từng học sinh hoặc cập nhật cho tất cả học sinh từ file excel.

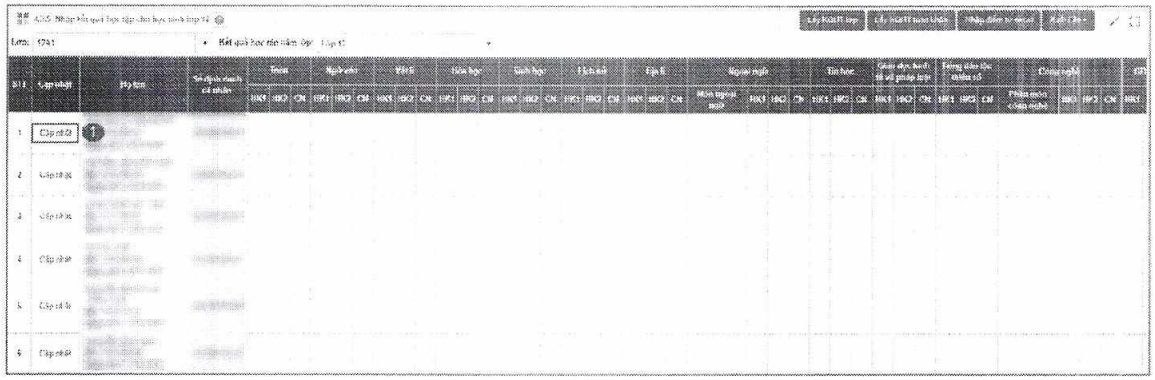

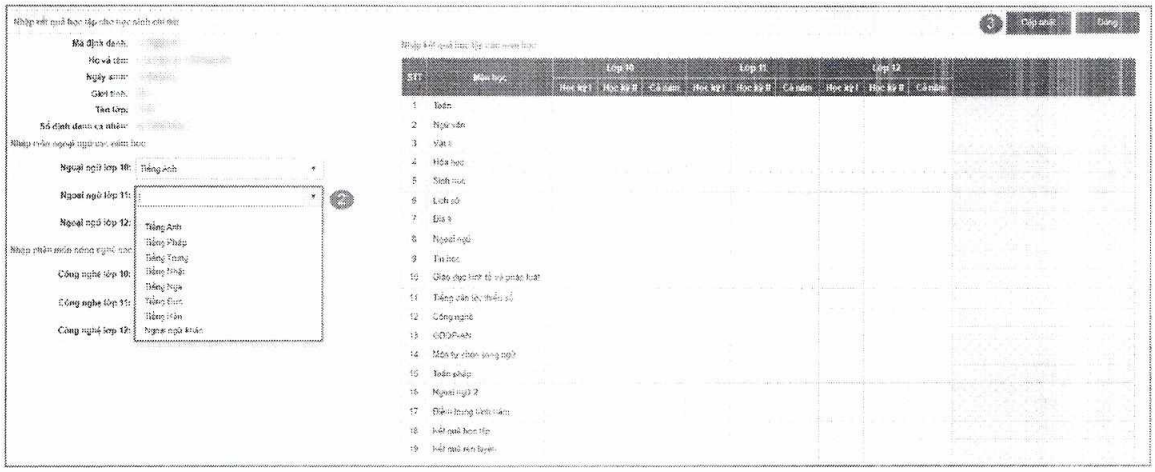

- Đối với cột Phân môn Công nghệ: Nhà trường thực hiện cập nhật phân môn công nghệ tại nút **[Cập nhật]** trước tên từng học sinh hoặc cập nhật cho tất cả học sinh từ file excel.

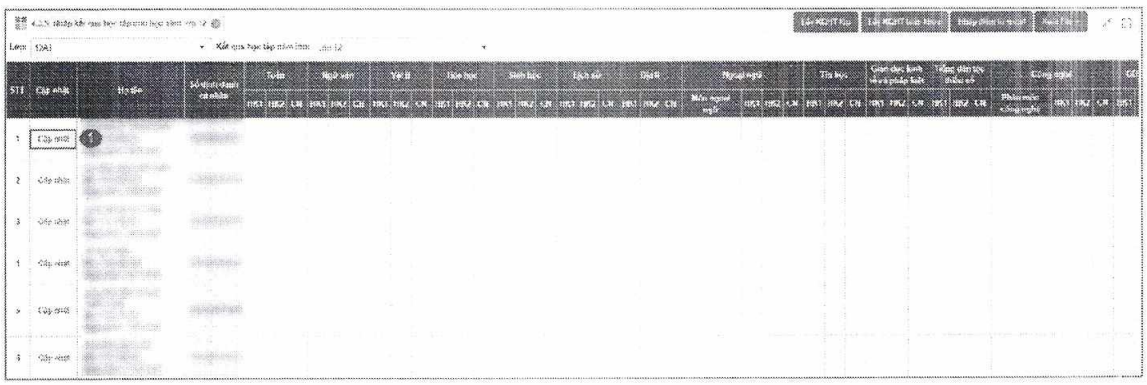

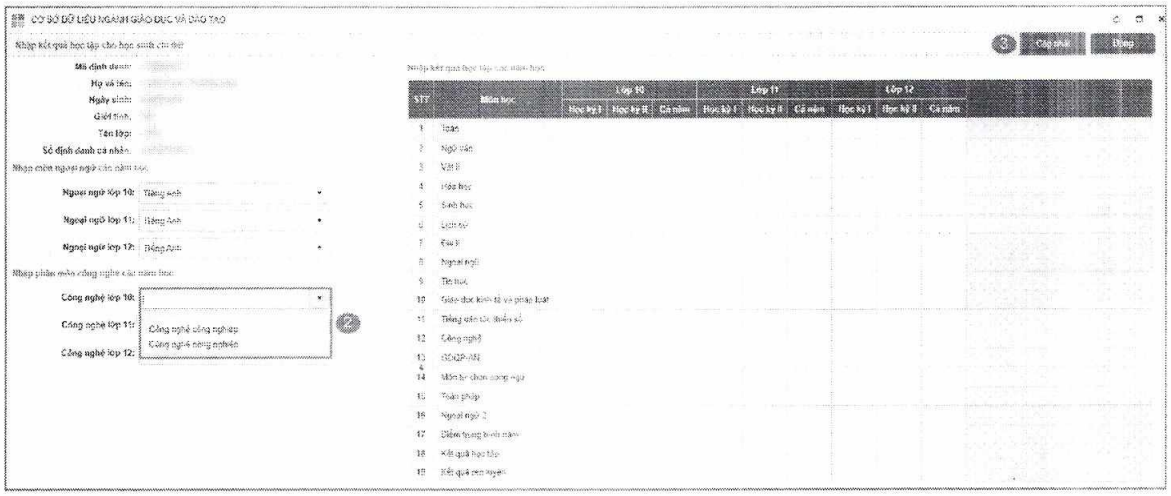

- Điểm trung bình năm: Được tính bằng trung bình cộng các môn có điểm tại các năm học lớp 10, 11, 12.

2.3. Xét hoàn thành kết quả học tập, rèn luyện lớp 12

Mô tả: Chức năng này hỗ trợ nhà trường thực hiện khóa toàn bộ dữ liệu về KQHT toàn khóa của học sinh lớp 12.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại phần mềm **[Quản lý giáo dục THPT]**, kích vào danh mục **4. Học sinh/ 4.3 Nhập kết quả học tập rèn luyện/ 4.3.6 Xét hoàn thành kết quả học tập lớp 12.**

Bước 2: Tích chọn lớp, học kỳ cần khóa và kích **[Cập nhật].**

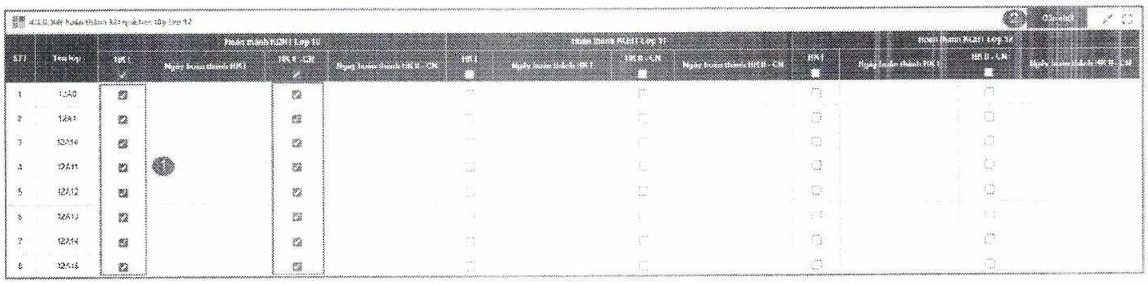

2.4. Thống kê tiến độ nhập thông tin cá nhân và kết quả học tập, rèn luyện lớp 12

Mô tả: Với chức năng này, hệ thống hỗ trợ nhà trường thống kê, kiểm tra việc hoàn thành kết quả cập nhật thông tin cá nhân và kết quả học tập lớp 12 của học sinh.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Tại phần mềm [**Quản lý giáo dục THPT**], kích vào danh mục **4. Học sinh/ 4.3 Nhập kết quả học tập rèn luyện/4.3.7 Thống kê tiến độ nhập thông tin cá nhân và kết quả học tập lớp 12.**

Bước 2: Nhà trường tham khảo Hướng dẫn/Ghi chú về chỉ tiêu thống kê tiến độ cập nhật thông tin và kết quả học tập. (Hiện tại, đơn vị hoàn thành việc cập nhật thông tin cá nhân và Cập nhật bổ sung điểm 3 khối Giai đoạn 1; Giai đoạn 2 bổ sung khi có kết quả học tập kỳ 2, cả năm lớp 12).

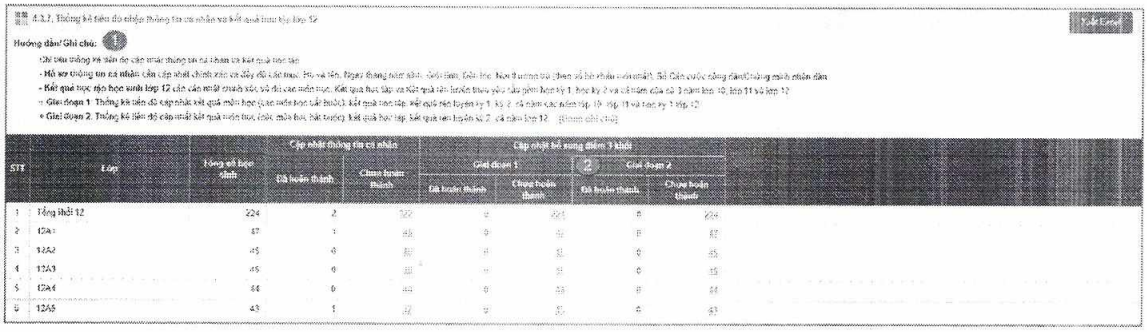

Với lớp học hiển thị số lượng tại cột chưa hoàn thành, nhà trường kích trực tiếp vào kết quả đó để kiểm tra học sinh còn thiếu kết quả và thực hiện cập nhật.

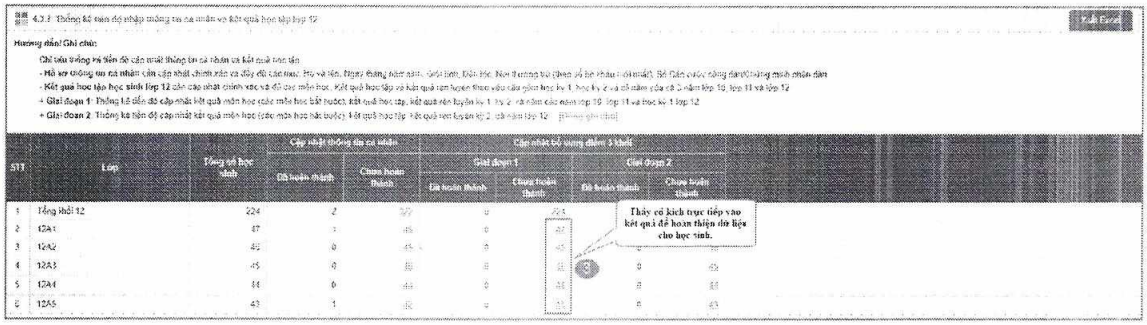

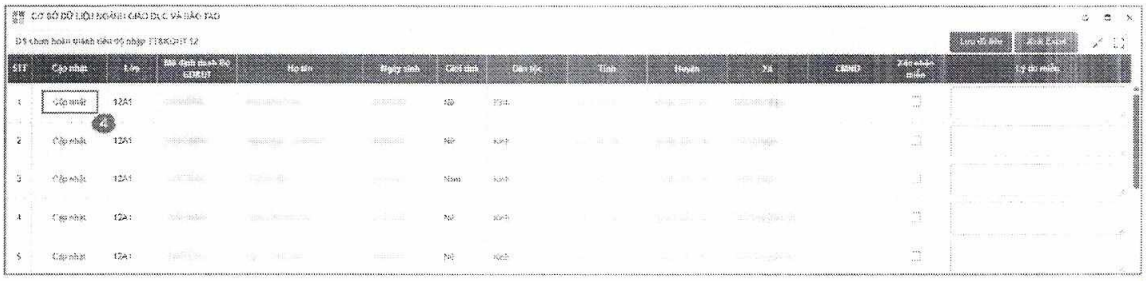

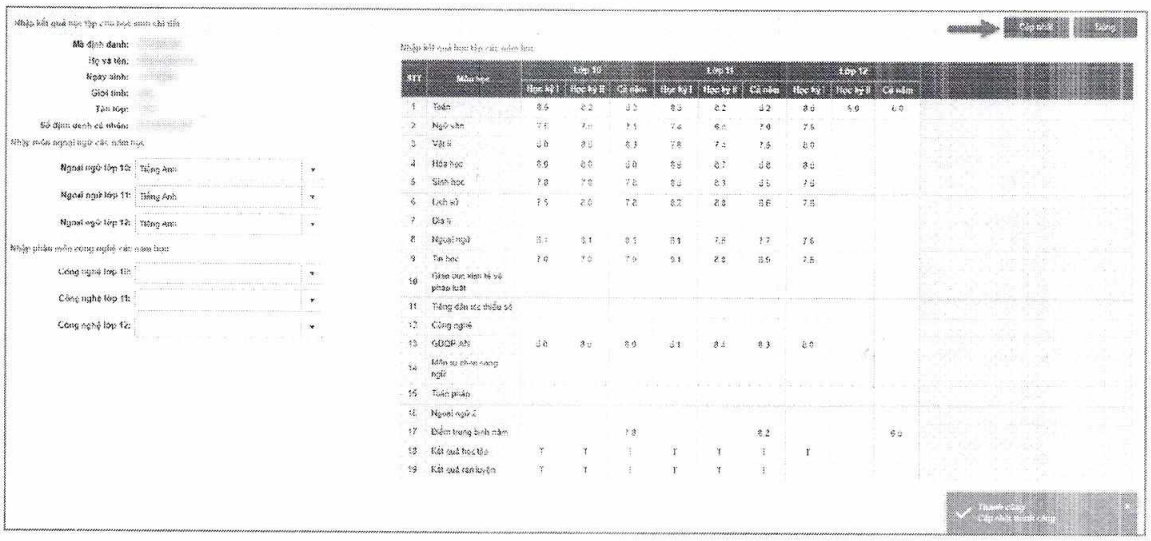

III. Thông tin hỗ trợ kỹ thuật

Về kỹ thuật sử dụng phần mềm, đề nghị liên hệ qua Email: csdl@moet.edu.vn (hướng dẫn sử dụng chi tiết trên http://csdl.moet.gov.vn)./.